

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày: 18-7-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh.

2. Bà Vương Thị Khánh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-DS ngày 02/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 695/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Hiền Th, sinh năm: 1978; cư trú tại: đường Hồng B, phường M, Quận MM, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm: 1979; cư trú: Phước T, phường S, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị Thanh Th, sinh năm: 1980; cư trú: khu phố B, phường Bình D, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Hà Thị Thanh Th có vay tiền của ông Trương Hiền Th vào ngày 20/06/2016 theo Hợp đồng vay tiền không có biện pháp đảm bảo là 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận miệng ngoài hợp đồng giữa hai bên là 4%/ tháng, tương đương 2.000.000 VNĐ (hai triệu đồng)/ tháng (đính kèm các hợp đồng vay tiền).

Bà Th trả lãi được 12 tháng. Đến ngày 20/06/2017 Bà Th có xin gia hạn hợp đồng thêm 1 năm và tiếp tục đóng lãi được 1 tháng. Tổng số tiền lãi Bà Th đã trả là 13

tháng, 2.000.000 VNĐ (hai triệu đồng)/ tháng, tương đương 26.000.000 VNĐ (hai mươi sáu triệu đồng).

Lãi suất này là mức lãi suất do Bà Th đề nghị và thỏa thuận với ông Th. Bản thân ông Th do không hiểu biết nên ông không biết mức lãi suất trên là cao hơn mức lãi suất quy định của pháp luật.

Khi được Tòa án giải thích và hướng dẫn ông Th xin được tính phần lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể:

Từ 20/06/2016 đến 20/01/2017, lãi suất 13,5%/năm, tương đương 1.125%/tháng.

Từ 20/02/2017 đến ngày 18/7/2022 Tòa án xét xử sơ thẩm, lãi suất 20%/năm, tương đương 1.67%/tháng.

Sau khi trừ phần tiền lãi vượt quá quy định vào tiền gốc tại thời điểm bị đơn trả nợ thì tính đến ngày 21/07/2017 số nợ gốc còn lại là 31.208.022đ (ba mươi một triệu hai trăm lẻ tám nghìn không trăm hai mươi hai đồng).

Tiền lãi từ ngày 21/07/2017 đến ngày 18/7/2022 là 59 tháng 27 ngày, mỗi tháng là 1,67%. Tổng số lãi là 59 tháng 27 ngày x 1,67% x 31.208.022 = 31.218.314đ (ba mươi một triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm mười bốn đồng).

Tổng số tiền Bà Th nợ đến 18/7/2022 là 62.426.336đ (sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Ông Trương Hiền Th và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh là vợ ông Th đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Th đều khẳng định số tiền ông Th cho Bà Th vay là tài sản riêng của ông Th không liên quan đến bà Nh. Nay ông bà yêu cầu bà Hà Thị Thanh Th phải trả cho ông Th tổng số tiền nợ tạm tính tới ngày đến 21/05/2022 là 61.436.111 (sáu mươi một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn một trăm mười một đồng).

- Bị đơn bà Hà Thị Thanh Th đã được tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần và gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho Bà Th. Tuy nhiên, Bà Th không lên tòa làm việc, tham gia phiên tòa, không gửi ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp cho tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy nguyên đơn ông Trương Hiền Th khởi kiện bị đơn bà Hà Thị Thanh Th về việc yêu cầu Bà Th trả số tiền nợ gốc sau khi trừ vào số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật tại thời điểm Bà Th trả lãi thì số tiền nợ gốc còn lại là 31.208.022 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với lãi xuất do hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, tương đương 2.000.000 đồng/tháng, Bà Th trả tiền lãi cho ông Th 13 tháng với số tiền 26.000.0000 đồng là vượt qua quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông Th đã tự nguyện trừ số tiền lãi vượt quá quy định vào tiền gốc tại thời điểm bị đơn trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật. Nay ông Th yêu cầu Bà Th trả số tiền lãi 31.218.314 đồng tính từ ngày 21/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hà Thị Thanh Th có nghĩa vụ phải trả cho ông Th số tiền nợ gốc và và tiền nợ lãi nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Hiền Th và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là bà Hà Thị Thanh Th, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng Bà Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị đơn bà Hà Thị Thanh Th cư trú tại: khu phố B, phường Bình Đ, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trương Hiền Th khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” lập ngày 20/6/2016, cụ thể yêu cầu bà Hà Thị Thanh Th phải trả cho ông tổng số tiền nợ gốc và lãi là 62.426.336đ (sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà Hà Thị Thanh Th và ông Trương Hiền Th có ký hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm vào ngày 20/06/2016 được Văn phòng Công chứng Lê Tâm chứng nhận. Theo Hợp đồng vay tiền thì Bà Th vay của ông Th số tiền nợ gốc là 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng), việc giao nhận tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, ngoài sự chứng kiến của

Công chứng viên. Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Xét thấy, việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện không có sự chứng kiến của Công chứng viên, nhưng theo lời khai của nguyên đơn, Bà Th đã trả cho ông Th tổng số tiền lãi 13 tháng kể từ ngày 20/6/2016 là 26.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Th còn cung cấp đoạn ghi âm cuộc đối thoại qua điện thoại giữa bà Nguyễn Thị Tuyết Nh (bà Nh là vợ ông Th) với bà Hà Thị Thanh Th, Bà Th thừa nhận còn nợ ông Th số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, việc ông Th yêu cầu Bà Th trả số tiền nợ gốc trên là có cơ sở. Tuy nhiên, do lãi suất thỏa thuận của hai bên là 4%/tháng, tương đương 2.000.000 đồng/tháng, Bà Th trả tiền lãi cho ông Th 13 tháng với số tiền 26.000.0000 đồng là vượt quá quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông Th đã tự nguyện tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật và trừ số tiền lãi vượt quá quy định vào tiền gốc tại thời điểm bị đơn trả lãi, cụ thể: Từ 20/06/2016 đến 20/01/2017, lãi suất 13,5%/năm, tương đương 1.125%/tháng; từ 21/7/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 18/7/2022), lãi suất 20%/năm, tương đương 1.67%/tháng thì tính đến ngày 21/7/2017, ông Th xác định tính đến ngày 21/7/2017 Bà Th còn phải trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 31.208.022đ (ba mươi một triệu hai trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi hai đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm *“Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay”* nên có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, ông Th còn yêu cầu Tòa án buộc Bà Th trả tiền nợ lãi cho ông từ ngày 21/7/2017 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 18/7/2022) là 59 tháng 27 ngày, lãi suất là 1,67%/tháng trên số nợ gốc 31.208.022 đồng, cụ thể: 59 tháng 27 ngày x 31.208.022 x 1,67% = 31.218.314đ (ba mươi một triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm mười bốn đồng). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*. Xét thấy, mặc dù ông Th, Bà Th thỏa thuận lãi suất 4%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nhưng ông Th đã tự nguyện tính lại lãi suất theo quy định là 20%/năm tương đương 1.67%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng Bà Th không trả tiền nợ lãi và tiền nợ gốc cho ông Th. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Bà Th phải trả tiền lãi là 31.218.314 đồng là có cơ sở chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho Bà Th nhưng Bà Th cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối

đó. Nên được xem là mặc nhiên Bà Th thừa nhận có vay và nợ ông Th số tiền gốc và lãi nêu trên.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Hà Thị Thanh Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.121.316 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 357 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hiền Th về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc bà Hà Thị Thanh Th phải trả cho ông Trương Hiền Th tổng số tiền nợ 62.426.336đ (sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó, tiền nợ gốc 31.208.022đ (ba mươi một triệu hai trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi hai đồng), tiền nợ lãi 31.218.314đ (ba mươi một triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm hai mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.121.316đ (ba triệu một trăm hai mươi một nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Hoàn trả cho ông Trương Hiền Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007856 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP(03).

Lê Thị Nguyệt